

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ TỊNH BIÊN
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 26/2023/DS-ST
Ngày: 25 - 9 - 2023
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ TỊNH BIÊN, TỈNH AN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phí Thị Phương Nhung.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Lâm Tới; bà Nguyễn Thị Mai.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Thành, Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Tịnh Biên, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Tịnh Biên tham gia phiên tòa: Bà Bùi Thị Kim Chi, Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 9 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Tịnh Biên xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 44/2023/TLST-DS, ngày 13 tháng 3 năm 2023 về “tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 112/2023/QĐXXST-DS ngày 17 tháng 8 năm 2023, Quyết định hoãn phiên tòa số: 78/2023/QĐST-DS ngày 06 tháng 9 năm 2023, giữa:

Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ2 (B); trụ sở: tháp B, A T, quận H, thành phố Hà Nội.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Huỳnh Văn C, chức vụ: Giám đốc phòng G và ông Võ Thành Đ, chức vụ: Trưởng phòng quản lý rủi ro B - Chi nhánh B1; địa chỉ: A Q, phường C, thành phố C, tỉnh An Giang (theo giấy ủy quyền ngày 17/8/2023); ông C, có mặt; ông Đ, vắng mặt.

Bị đơn: Ông Trần Quốc Đ1, sinh năm 1985; nơi cư trú: ấp A, xã L, huyện T, tỉnh An Giang; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, lời khai cung cấp trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày: Ngày 04/12/2019, Ngân hàng TMCP Đ2 - Chi nhánh B1 - Phòng G (sau đây được viết tắt là Ngân hàng) với ông Trần Quốc Đ1 có ký giấy đề nghị vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng số 01/2019/13335672/HĐTD mục đích vay vốn. Theo đó, Ngân hàng cho ông Đ1 vay số tiền 90.000.000 đồng; thời hạn vay 36 tháng; lãi suất 11,5%/năm (lãi suất được điều chỉnh định kỳ 06 tháng/lần vào ngày 01 của kỳ điều chỉnh lãi suất của kỳ đầu tiên là ngày 01/3/2020), lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn; lịch trả nợ: kỳ trả nợ gốc và lãi vay được trả định

kỳ vào ngày 10 hàng tháng. Ngân hàng đã giải ngân cho ông Đ1 số tiền 90.000.000 đồng vào ngày 04/12/2019. Về tài sản thế chấp bảo đảm cho khoản vay, cho vay theo hình thức vay tín chấp và được lãnh đạo đơn vị nơi ông Đ1 công tác ký xác nhận trên hồ sơ vay vốn.

Sau khi vay, ông Đ1 trả nợ theo thỏa thuận được một thời gian nhưng sau đó, ông Đ1 không tiếp tục trả nợ, Ngân hàng có nhiều lần làm việc nhưng ông Đ1 hứa hẹn và không thanh toán theo thỏa thuận.

Theo đơn khởi kiện, nguyên đơn yêu cầu ông Đ1 thanh toán số tiền 38.146.892 đồng bao gồm: nợ gốc 31.400.000 đồng, lãi trong hạn 6.072.472 đồng và lãi quá hạn 674.420 đồng. Quá trình chuẩn bị xét xử, tính đến ngày 21/9/2023, ông Đ1 đã chuyển khoản thanh toán cho Ngân hàng xong nợ gốc 31.400.000 đồng, hiện chỉ còn nợ lãi 8.311.336 đồng, trong đó lãi trong hạn 7.137.965 đồng, lãi quá hạn 1.173.371 đồng.

Vì vậy, nguyên đơn xác định lại yêu cầu khởi kiện buộc ông Đ1 trả số tiền nợ lãi còn lại 8.311.336 đồng, trong đó lãi trong hạn 7.137.965 đồng, lãi quá hạn 1.173.371 đồng.

Tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp chứng minh cho ý kiến, yêu cầu khởi kiện là: giấy đề nghị vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng ngày 04/12/2019 giữa B và Trần Quốc Đ1 (bản sao); đơn xin xác nhận công tác của ông Trần Quốc Đ1 (bản photo); biên bản làm việc giữa B với Trần Quốc Đ1 (bản sao) cùng các tài liệu, giấy tờ khác có liên quan trong hồ sơ vụ án.

- Bị đơn ông Trần Quốc Đ1 đã được triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến.

Tại phiên tòa,

- Thẩm phán Chủ tọa phiên tòa công bố các lời khai trong quá trình chuẩn bị xét xử của người đại diện hợp pháp của nguyên đơn; các tài liệu chứng cứ do Tòa án thu thập.

- Đại diện hợp pháp của nguyên đơn xác định yêu cầu Tòa án buộc ông Đ1 trả số tiền nợ lãi 8.311.336 đồng, trong đó lãi trong hạn 7.137.965 đồng, lãi quá hạn 1.173.371 đồng phát sinh theo giấy đề nghị vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng ngày 04/12/2019 giữa B và Trần Quốc Đ1; rút lại một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền 29.835.556 đồng theo đơn khởi kiện.

- Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án trong giai đoạn chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại các Điều 70, 71, 234 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn chưa thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại Điều 72 Bộ luật Tố tụng dân sự, vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng và vắng mặt lần thứ hai tại

phiên tòa không lý do. Căn cứ Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự đề nghị Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn **Trần Quốc Đ1**.

Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và lời trình bày của đại diện hợp pháp của nguyên đơn tại phiên tòa, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 463, 466 và 470 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 91, 95 Luật các Tổ chức tín dụng năm 2010; Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự: chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc ông **Đ1** trả cho nguyên đơn số tiền nợ lãi 8.311.336 đồng; đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về yêu cầu ông **Đ1** trả số tiền 29.835.556 đồng đã rút.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

** Về tố tụng:*

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: **Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ2** khởi kiện yêu cầu ông **Trần Quốc Đ1** trả nợ vay tại Tòa án nơi hợp đồng được thực hiện nên yêu cầu kiện của nguyên đơn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Tịnh Biên theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm g khoản 1 Điều 40 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về sự vắng mặt của đương sự: Trước khi phiên tòa được mở, bị đơn ông **Trần Quốc Đ1** đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng vắng mặt không lý do. Căn cứ quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông **Đ1**.

[3] Tại phiên tòa, đại diện hợp pháp của nguyên đơn rút lại một phần yêu cầu theo đơn khởi kiện với số tiền là 29.835.556 đồng; việc rút một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là tự nguyện. Vì vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận và đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đã rút theo quy định tại khoản 2 Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Bị đơn không có yêu cầu phản tố trong vụ án nên Hội đồng xét xử chỉ xem xét giải quyết trong phạm vi yêu cầu của nguyên đơn về trả nợ lãi với số tiền 8.311.336 đồng theo quy định tại khoản 1 Điều 5 Bộ luật Tố tụng dân sự.

** Về nội dung:*

[4] Về việc xác lập và thực hiện hợp đồng tín dụng:

Giấy đề nghị vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng ngày 04/12/2019 giữa Ngân hàng với ông **Trần Quốc Đ1** được ký kết trên cơ sở tự nguyện, hình thức và nội dung hợp đồng phù hợp với quy định tại Điều 463 Bộ luật Dân sự năm 2015, khoản 2 Điều 91 Luật các Tổ chức tín dụng năm 2010 nên phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên theo hợp đồng được ký kết.

Về thực hiện hợp đồng, trên cơ sở Giấy đề nghị vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng ngày 04/12/2019, ông **Đ1** được Ngân hàng giải ngân số tiền 90.000.000

đồng. Sau khi vay cho đến ngày 21/9/2023, ông Đ1 đã thanh toán xong cho Ngân hàng số tiền nợ gốc còn lại 31.400.000 đồng, hiện còn nợ lãi 8.311.336 đồng, trong đó lãi trong hạn 7.137.965 đồng, lãi quá hạn 1.173.371 đồng.

Trong giai đoạn chuẩn bị xét xử, Tòa án đã ban hành Thông báo số 12/2023/TB-TA ngày 10/4/2023 về việc yêu cầu ông Đ1 cung cấp lời khai và giao nộp tài liệu, chứng cứ đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nhưng ông Đ1 không thực hiện nên không có cơ sở để Hội đồng xét xử xem xét.

[5] Về yêu cầu của nguyên đơn:

Do ông Đ1 vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên Ngân hàng khởi kiện yêu cầu ông Đ1 trả nợ là phù hợp với nội dung hợp đồng tín dụng đã ký kết, quy định tại các Điều 466, 470 Bộ luật Dân sự năm 2015, Điều 95 Luật các Tổ chức tín dụng năm 2010.

Vì vậy, chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; buộc ông Đ1 trả cho Ngân hàng số tiền nợ lãi 8.311.336 đồng, trong đó lãi trong hạn 7.137.965 đồng, lãi quá hạn 1.173.371 đồng.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Đ1 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với số tiền phải thanh toán cho nguyên đơn là 415.567 đồng.

Nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm; hoàn lại cho nguyên đơn số tiền tạm ứng án phí 954.000 đồng mà nguyên đơn đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Các điều 147, 244, 266, 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;
- Các Điều 463, 466, 470 Bộ luật Dân sự năm 2015;
- Các Điều 91, 95 Luật các Tổ chức tín dụng năm 2010;
- Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

1. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn **Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ2** về yêu cầu ông **Trần Quốc Đ1** trả số tiền 29.835.556 (hai mươi chín triệu, tám trăm ba mươi lăm nghìn, năm trăm năm mươi sáu) đồng theo đơn khởi kiện đã rút.

2. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn **Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ2**.

Buộc ông **Trần Quốc Đ1** trả cho **Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ2** số tiền nợ lãi 8.311.336 (tám triệu, ba trăm mười một nghìn, ba trăm ba mươi sáu) đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông **Trần Quốc Đ1** phải chịu 415.567 (bốn trăm mười lăm nghìn, năm trăm sáu mươi bảy) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ2 không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho **Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ2** số tiền tạm ứng án phí đã nộp 954.000 (chín trăm năm mươi bốn nghìn) đồng theo biên lai thu tạm ứng án, lệ phí Tòa án số TU/2022/0009045 ngày 10 tháng 3 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện (nay là thị xã) Tịnh Biên, tỉnh An Giang (**Ngân hàng TMCP Đ2 - Chi nhánh B1 - Phòng G** đại diện nhận).

4. Về quyền kháng cáo:

Đương sự có mặt tham gia phiên toà có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh An Giang (1);
- VKSND thị xã Tịnh Biên (2);
- Chi cục THADS thị xã Tịnh Biên (1);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ (1);
- Lưu văn phòng (1).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Phí Thị Phương Nhung